

Số: 937/TCTCHKVN-VPTCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

V/v: Công bố thông tin BCTC đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP thực hiện công bố thông tin BCTC với Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP

- Mã chứng khoán: ACV

- Địa chỉ: Số 58 Trường Sơn, phường Tân Sơn Hòa, Tp. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (84.28) 38485383 Fax: (84.28) 38445127

- Website: <https://www.vietnamairport.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

- Báo cáo tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/03/2026 tại đường dẫn: <https://www.vietnamairport.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Các Ban: TCKT, PC-KTNB;
- VP. TCTy (đăng tải lên website);
- Lưu: VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Q. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Văn Khiên

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 07
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	08 - 09
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	13 - 59

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Khiên	Quyền Chủ tịch	Bổ nhiệm Quyền Chủ tịch HĐQT từ ngày 17/03/2026 Người đại diện theo pháp luật từ ngày 17/03/2026
Ông Vũ Thế Phiệt	Chủ tịch	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT từ ngày 17/03/2026 Người đại diện theo pháp luật đến ngày 17/03/2026
Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Thành viên	
Ông Nguyễn Tiến Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/01/2026
Ông Lại Xuân Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT do nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/09/2024 Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 30/06/2025
Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên	Đơn từ nhiệm ngày 24/02/2025 Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 30/06/2025
Ông Đào Việt Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm Thành viên HĐQT ngày 22/01/2026

Ban kiểm soát

Bà Huỳnh Thị Diệu	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên	
Bà Phan Cẩm Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/01/2026
Ông Lương Quốc Bình	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/01/2026

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tiến Việt	Phó Tổng Giám đốc	Phụ trách Ban Điều hành đến ngày 01/02/2026
Ông Nguyễn Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Phụ trách Ban Điều hành từ ngày 02/02/2026
Ông Trần Anh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Nguyễn Văn Nhung	Kế toán trưởng	
----------------------	----------------	--

338
TỔNG
CÔNG
TY CẢNG
HÀNG
KHÔNG
VIỆT
NAM

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Tổng Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 38 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, không có sự kiện nào khác sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.


Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành, 



Lê Văn Kiên

Người đại diện theo pháp luật

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Số: 704/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP.**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP (sau đây được gọi là "Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 03 năm 2026, từ trang 08 đến trang 59 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có sai sót trọng yếu hay không.

Công việc Kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 1, mục Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả một số vấn đề như sau:

Liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không ("KCHTHK") do Nhà nước đầu tư, quản lý

Theo Quyết định số 2007/QĐ-TTg ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án giao, quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHTHK do Nhà nước đầu tư, quản lý ("Quyết định 2007") và Nghị định 287/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHTHK ("Nghị định 287"), Tổng Công ty được giao quản lý, sử dụng và khai thác các tài sản KCHTHK theo phương thức không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp từ ngày ban hành Quyết định 2007 đến hết năm 2026.

Bộ Giao thông Vận tải (nay đã được hợp nhất vào Bộ Xây dựng) đã phê duyệt Danh mục tài sản KCHTHK bàn giao cho Tổng Công ty quản lý, sử dụng, khai thác theo phương thức không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo Quyết định số 256/QĐ-BGTVT ngày 01/3/2022; tuy nhiên chưa ban hành quyết định phê duyệt giá trị tài sản bàn giao. Do đó, Tổng Công ty chưa có đủ cơ sở để theo dõi chi tiết, phản ánh giá trị các tài sản KCHTHK trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025. Tổng Công ty hiện đang phản ánh doanh thu, chi phí phát sinh từ hoạt động khai thác các tài sản này trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, đồng thời làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ nộp phần chênh lệch còn lại cho Nhà nước theo quy định.

Liên quan đến công tác bàn giao nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không ("ANHK")

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và các vấn đề có liên quan, nhiệm vụ bảo đảm ANHK đã được chuyển giao cho Bộ Công an kể từ ngày 01/03/2025. Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc Bộ Công an đã thống nhất Tổng Công ty tiếp tục phản ánh doanh thu chi phí của hoạt động bảo đảm ANHK theo cơ chế hiện hành đến thời điểm 30/06/2026, đồng thời theo dõi và trình bày riêng kết quả kinh doanh của hoạt động này làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ liên quan.

Liên quan đến công tác chuyển giao tài sản và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc ("CHKQT Phú Quốc")

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-CP ngày 01/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về đầu tư mở rộng CHKQT Phú Quốc phục vụ Hội nghị APEC 2027, Bộ Xây dựng và Tổng công ty đã thực hiện chuyển giao tài sản tại CHKQT Phú Quốc (bao gồm tài sản KCHTHK do nhà nước đầu tư và tài sản do Tổng công ty đầu tư) cho Ủy ban Nhân dân ("UBND") tỉnh An Giang để UBND tỉnh An Giang bàn giao cho nhà đầu tư được lựa chọn.

Theo các thỏa thuận đã ký kết giữa Tổng Công ty và các bên liên quan, cũng như căn cứ các quyết định của cấp có thẩm quyền, thời điểm chuyển giao chính thức được xác định từ ngày 01/01/2026. Trên cơ sở đó, Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 của Tổng Công ty phản ánh đầy đủ giá trị các tài sản và kết quả hoạt động kinh doanh của CHKQT Phú Quốc. Từ ngày 01/01/2026, Tổng Công ty chấm dứt hoạt động kinh doanh tại CHKQT Phú Quốc theo Quyết định của Bộ Xây dựng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh (tiếp)

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 38 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính, ngày 05/03/2026, Tổng Công ty đã thực hiện Công bố thông tin bất thường tại Văn bản số 604/TCTCHKVN-VPTCT trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Ban Điều hành Tổng Công ty đánh giá rằng sự kiện này không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình hoạt động kinh doanh cũng như số liệu đã trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Hà Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Trịnh Thị Trang

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4061-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.833.820.090.838	40.564.962.776.015
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.233.560.440.456	6.293.595.762.680
Tiền	111		3.893.560.440.456	4.473.595.762.680
Các khoản tương đương tiền	112		340.000.000.000	1.820.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	15	10.386.125.769.220	20.142.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.386.125.769.220	20.142.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.395.738.638.677	12.305.022.253.990
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.246.814.307.642	10.484.946.972.723
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.224.243.585.307	4.834.859.212.732
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	616.278.911.717	648.282.638.719
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.691.598.165.989)	(3.663.066.570.184)
Hàng tồn kho	140	10	345.255.271.124	288.920.466.298
Hàng tồn kho	141		345.255.271.124	288.920.466.298
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.473.139.971.361	1.535.424.293.047
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	55.219.482.107	18.609.149.602
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.399.380.939.692	1.512.544.175.408
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	18.539.549.562	4.270.968.037
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.113.984.933.474	35.934.850.678.710
Các khoản phải thu dài hạn	210		265.521.804.717	265.501.804.717
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	2.800.000.200	2.800.000.200
Phải thu dài hạn khác	216	8	265.521.804.717	265.501.804.717
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(2.800.000.200)	(2.800.000.200)
Tài sản cố định	220		25.442.350.046.590	12.023.640.793.136
Tài sản cố định hữu hình	221	12	25.430.668.689.299	12.011.649.434.062
- Nguyên giá	222		65.861.938.456.956	49.642.460.748.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.431.269.767.657)	(37.630.811.314.443)
Tài sản cố định vô hình	227	13	11.681.357.291	11.991.359.074
- Nguyên giá	228		42.802.339.446	37.323.079.176
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.120.982.155)	(25.331.720.102)
Tài sản dở dang dài hạn	240		35.200.034.360.712	20.892.927.634.807
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	35.200.034.360.712	20.892.927.634.807
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	2.370.969.002.140	2.370.466.381.546
Đầu tư vào công ty con	251		60.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.139.744.434.914	2.139.744.434.914
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		237.101.079.780	235.339.048.804
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(65.876.512.554)	(64.617.102.172)
Tài sản dài hạn khác	260		835.109.719.315	382.314.064.504
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	186.388.641.444	74.281.523.344
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	648.721.077.871	308.032.541.160
TỔNG TÀI SẢN	270		90.947.805.024.312	76.499.813.454.725

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	25.976.727.458.685	22.703.437.620.392
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	75.434.964.476	104.074.076.959
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	25.901.292.494.209	22.599.363.543.433
Giá vốn hàng bán	11	24	10.329.374.689.572	8.769.643.687.164
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.571.917.804.637	13.829.719.856.269
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.235.992.969.011	1.922.439.095.443
Chi phí tài chính	22	26	458.320.137.228	105.468.781.933
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>60.462.429.448</i>	<i>60.523.614.159</i>
Chi phí bán hàng	25	27	402.940.841.218	369.492.296.898
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	1.316.437.693.418	1.032.754.207.941
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.630.212.101.784	14.244.443.664.940
Thu nhập khác	31	29	589.813.910.382	43.132.721.702
Chi phí khác	32	30	16.536.331.320	11.975.845.548
Lợi nhuận khác	40		573.277.579.062	31.156.876.154
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.203.489.680.846	14.275.600.541.094
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	3.276.448.309.672	2.656.487.542.093
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	16	(340.688.536.711)	123.369.835.567
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.267.729.907.885	11.495.743.163.434
<i>Lợi nhuận của Tổng Công ty</i>			<i>10.630.299.972.038</i>	<i>10.253.061.710.515</i>
<i>Lợi nhuận từ hoạt động khai thác tài sản KCHTHK</i>		36	<i>1.385.094.622.527</i>	<i>1.242.681.452.919</i>
<i>Lợi nhuận từ hoạt động bảo đảm an ninh hàng không</i>		37	<i>252.335.313.320</i>	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026



Ngô Thị Hồng Hoa
Người lập biểu

Nguyễn Văn Nhung
Kế toán trưởng

Lê Văn Khiên
Người đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		15.203.489.680.846	14.275.600.541.094
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.965.272.980.788	2.281.550.559.409
Các khoản dự phòng	03		29.791.006.187	(56.693.173.510)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		306.014.909.489	(394.110.693.316)
Lãi hoạt động đầu tư	05		(1.095.868.090.852)	(1.468.739.046.633)
Chi phí lãi vay	06		60.462.429.448	60.523.614.159
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17.469.162.915.906	14.698.131.801.203
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		101.867.633.364	(2.615.131.803.159)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(53.238.376.177)	158.119.355.418
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.757.319.624.403	311.843.457.336
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(148.717.450.605)	24.031.945.257
Tiền lãi vay đã trả	14		(60.746.128.374)	(62.024.614.159)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.575.000.000.000)	(2.410.000.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(755.942.779.033)	(553.721.587.503)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.734.705.439.484	9.551.248.554.393
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(29.557.211.729.172)	(13.262.746.215.600)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.246.948.171	3.434.027.939
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.139.125.769.220)	(1.400.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.895.000.000.000	7.048.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.762.030.976)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.414.158.869.110	1.815.202.920.057
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.387.693.712.087)	(5.796.109.267.604)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3.939.170.000)	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(420.843.433.716)	(406.437.457.176)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(424.782.603.716)	(406.437.457.176)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	6.293.595.762.680	2.842.560.144.634
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		17.735.554.095	102.333.788.433
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	4.233.560.440.456	6.293.595.762.680

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Ngô Thị Hồng Hoa
Người lập biểu

Nguyễn Văn Nhung
Kế toán trưởng



Lê Văn Khiên
Người đại diện theo pháp luật

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), là Công ty Cổ phần, được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), theo Quyết định số 1710/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311638525 ngày 22 tháng 3 năm 2012 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh mới nhất lần thứ 12 ngày 28 tháng 03 năm 2026 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, Bộ Giao thông Vận tải (nay đã được hợp nhất vào Bộ Xây dựng) đã chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng Công ty về cho Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo Quy định tại Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2018 và Quyết định số 1515/QĐ/TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018. Ngày 03/03/2025, quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước từ Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp được chuyển sang Bộ Tài chính theo Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ và công văn số 1661/VPCP-ĐMDN ngày 28/02/2025 của Văn phòng Chính phủ.

Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP.

Tên giao dịch quốc tế: Airports Corporation of Vietnam ("ACV").

Trụ sở chính: 58 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 21 tháng 11 năm 2016, với mã chứng khoán "ACV".

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 10.667 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 10.616 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, Tổng Công ty đã đăng ký các hoạt động kinh doanh chính trong các lĩnh vực sau:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Đầu tư, quản lý vốn đầu tư, trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các cảng hàng không sân bay; đầu tư, khai thác kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị cảng hàng không, sân bay; cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không; cung ứng các dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch, các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng dịch vụ thương nghiệp, bán hàng miễn thuế; các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng), và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; các dịch vụ hàng không, dịch vụ công cộng khác tại cảng hàng không sân bay;
- Dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa, kho hàng hóa; giao nhận hàng hóa; nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ;
- Xây dựng, tư vấn xây dựng, sửa chữa, bảo trì, lắp đặt các công trình xây dựng, các trang thiết bị, điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 04 năm 2016; ngày 03 tháng 02 năm 2025, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp đã có Quyết định số 63/QĐ-UBQLV về phê duyệt quyết toán tài chính, tiền thu từ cổ phần hóa, chi phí cổ phần hóa, kinh phí chi trả chế độ cho người lao động dôi dư, giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm Công ty mẹ - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần.

Liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý

Theo Quyết định số 2007/QĐ-TTg ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án giao, quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng không do Nhà nước đầu tư, quản lý ("Quyết định 2007"), Tổng Công ty được giao quản lý, sử dụng và khai thác các tài sản kết cấu hạ tầng hàng không bao gồm:

- (a) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không ("KCHTHK") do Nhà nước đầu tư, quản lý, không tính vào giá trị doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty; và
- (b) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng không hình thành sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp được bàn giao lại cho Nhà nước quản lý do Bộ Giao thông Vận tải (nay đã được hợp nhất vào Bộ Xây dựng) làm đại diện chủ sở hữu.

Theo quy định tại Quyết định số 2007/QĐ-TTg và Nghị định 287/2025/NĐ-CP ngày 05/11/2025 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHTHK ("Nghị định 287"), Tổng Công ty được giao quản lý, sử dụng các tài sản KCHTHK theo phương thức không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trong thời hạn từ ngày ban hành Quyết định 2007 đến hết năm 2026. Tổng Công ty trực tiếp tổ chức khai thác tài sản này đúng mục đích, công năng; phản ánh đầy đủ doanh thu, chi phí phát sinh từ hoạt động khai thác vào báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp; đồng thời làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ nộp phần chênh lệch còn lại cho Nhà nước theo quy định.

Bộ Giao thông Vận tải (nay đã được hợp nhất vào Bộ Xây dựng) đã phê duyệt Danh mục tài sản KCHTHK bàn giao cho Tổng Công ty quản lý, sử dụng, khai thác theo phương thức không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo Quyết định số 256/QĐ-BGTVT ngày 01/03/2022; tuy nhiên chưa ban hành quyết định phê duyệt giá trị tài sản bàn giao.

Do đó, Tổng Công ty chưa có đủ cơ sở để theo dõi chi tiết, phản ánh giá trị các tài sản KCHTHK trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025. Việc ghi nhận tăng giá trị tài sản KCHTHK sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan khi được cơ quan chức năng ban hành quyết định phê duyệt giá trị tài sản bàn giao cho Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)****Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)***Liên quan đến công tác bàn giao nhiệm vụ bảo đảm an ninh hàng không ("ANHK")*

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và các văn bản có liên quan, nhiệm vụ bảo đảm ANHK đã được chuyển giao cho Bộ Công an tiếp nhận kể từ ngày 01/03/2025. Theo đó, công tác điều hành hoạt động bảo đảm ANHK tại các cảng hàng không trực thuộc do các đơn vị của Bộ Công an thực hiện từ ngày 01/03/2025.

Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc Bộ Công an đã thống nhất Tổng Công ty tiếp tục phản ánh doanh thu chi phí của hoạt động bảo đảm ANHK theo cơ chế hiện hành đến thời điểm 30/06/2026.

Đến ngày 31/12/2025, quá trình chuyển đổi chưa hoàn tất, Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng để hoàn tất công tác bàn giao theo quy định.

Trên cơ sở đó, Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 của Tổng Công ty tiếp tục phản ánh doanh thu và chi phí của hoạt động bảo đảm ANHK theo cơ chế hiện hành, đồng thời theo dõi và trình bày riêng kết quả kinh doanh của hoạt động này để làm cơ sở thực hiện các nghĩa vụ liên quan.

Liên quan đến công tác chuyển giao tài sản và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc ("CHKQT Phú Quốc")

Nghị quyết số 01/2025/NQ-CP ngày 01/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về đầu tư mở rộng CHKQT Phú Quốc phục vụ Hội nghị APEC 2007 ("Nghị quyết 01"), trong đó:

- Giao Bộ Xây dựng thực hiện việc chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng CHKQT Phú Quốc do Nhà nước đầu tư, quản lý về Ủy ban nhân dân ("UBND") tỉnh An Giang;
- Giao Tổng Công ty rà soát, xác định danh mục, giá trị đầu tư (nguyên giá, giá trị còn lại) và tổ chức thẩm định giá đối với các tài sản đã được Tổng Công ty đầu tư tại CHKQT Phú Quốc làm cơ sở cho việc xử lý tài sản theo quy định của pháp luật.

Thực hiện Nghị quyết 01, ngày 15/6/2025, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 815/QĐ-BXD về việc thu hồi, chuyển giao tài sản kết cấu hạ tầng CHKQT Phú Quốc về UBND tỉnh An Giang. Ngày 18/11/2025, Tổng Công ty đã ký biên bản bàn giao nguyên trạng toàn bộ tài sản do Tổng Công ty đầu tư tại CHKQT Phú Quốc cho UBND tỉnh An Giang; cùng ngày, UBND tỉnh An Giang đã ký biên bản bàn giao nguyên trạng các tài sản này cho Công ty Cổ phần Cảng hàng không Mặt trời ("SAC"), là nhà đầu tư được UBND tỉnh lựa chọn.

Theo các thỏa thuận đã ký giữa Tổng Công ty và các bên có liên quan, thời điểm chuyển giao chính thức được xác định từ ngày 01/01/2026. Trong giai đoạn chuyển tiếp, Tổng Công ty tiếp tục hạch toán đầy đủ doanh thu và chi phí phát sinh từ hoạt động khai thác theo quy định của pháp luật, đồng thời không phát sinh nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản nào cho SAC liên quan đến hoạt động khai thác trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp)

Liên quan đến công tác chuyển giao tài sản và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc (“CHKQT Phú Quốc”) (tiếp)

Theo Quyết định số 2405/QĐ-BXD ngày 25/12/2025 của Bộ Xây dựng (“Quyết định 2405”), hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại CHKQT Phú Quốc chấm dứt kể từ ngày 01/01/2026, đồng thời Bộ Xây dựng cấp giấy phép kinh doanh CHKQT Phú Quốc cho Công ty Cổ phần Cảng hàng không Mặt trời (SAC) từ cùng ngày. Ngày 08/01/2026, Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 22/QĐ-BXD về việc cấp lại giấy phép kinh doanh cảng hàng không cho Tổng Công ty, trong đó chấm dứt hoạt động kinh doanh của ACV tại CHKQT Phú Quốc theo Quyết định số 2405.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025, Tổng Công ty đang thực hiện thủ tục đóng mã số thuế đối với CHKQT Phú Quốc theo quy định pháp luật hiện hành.

Trên cơ sở các thông tin và quyết định nêu trên, Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 của Tổng Công ty phản ánh đầy đủ giá trị các tài sản và kết quả hoạt động kinh doanh của CHKQT Phú Quốc.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các Chi nhánh, Công ty con, Công ty liên doanh liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Các chi nhánh:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
1. Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Nội Bài, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
2. Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
3. Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	58 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
4. Cảng hàng không Quốc tế Long Thành - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, Xã Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
5. Cảng hàng không Quốc tế Cát Bi - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Cát Bi, Đường Lê Hồng Phong, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)****Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)****Các chi nhánh (tiếp)**

Tên chi nhánh	Địa chỉ
6. Cảng hàng không Quốc tế Vinh - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Vinh, Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
7. Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài - Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không quốc tế Phú Bài, Tổ 10, Phường Phú Bài, Thành phố Huế, Việt Nam.
8. Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
9. Cảng hàng không Quốc tế Liên Khương - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không quốc tế Liên Khương, Quốc lộ 20, Xã Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
10. Cảng hàng không Quốc tế Cần Thơ - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Số 179B Lê Hồng Phong, Phường Thới An Đông, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
11. Cảng hàng không Quốc tế Phú Quốc - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Tổ 2, Khu phố Dương Tơ, Đặc khu Phú Quốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam.
12. Cảng hàng không Thọ Xuân - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Sân bay Sao Vàng, Xã Sao Vàng, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam.
13. Cảng hàng không Đồng Hới - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Đồng Hới, Phường Đồng Thuận, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.
14. Cảng hàng không Chu Lai - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Chu Lai, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
15. Cảng hàng không Phù Cát - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Số 01 Nguyễn Tất Thành, Phường Quy Nhơn, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
16. Cảng hàng không Pleiku - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Pleiku, Đường 17/3, Phường Thống Nhất, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
17. Cảng hàng không Tuy Hòa - Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Khu phố 4, Phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
18. Cảng hàng không Buôn Ma Thuật - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Thôn 3, Phường Tân Lập, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

Các chi nhánh (tiếp)

<u>Tên chi nhánh</u>	<u>Địa chỉ</u>
19. Cảng hàng không Điện Biên - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Tổ dân phố 10, Phường Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam.
20. Cảng hàng không Nà Sản - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Thôn Nà Sản, Xã Chiềng Mung, Tỉnh Sơn La, Việt Nam.
21. Cảng hàng không Côn Đảo - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Côn Đảo, Tiểu khu 1, Đặc khu Côn Đảo, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
22. Cảng hàng không Rạch Giá - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Số 418 Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang, Việt Nam.
23. Cảng hàng không Cà Mau - Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Số 93, Đường Lý Thường Kiệt, Phường Tân Thành, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam.
24. Chi nhánh Hàng hóa Hàng không Long Thành - Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, Xã Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
25. Chi nhánh Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Long Thành - Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cảng hàng không Quốc tế Long Thành, Xã Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Công ty con

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	TP. Hà Nội	60	60	Cung cấp dịch vụ lưu trữ và tra nạp nhiên liệu hàng không

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP)

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp)

Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
1. Công ty TNHH Dịch vụ Bảo dưỡng Máy bay Cảng hàng không Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	51,00	50,00	Bảo dưỡng và sửa chữa máy bay
2. Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	TP. Hồ Chí Minh	49,07	49,07	Kinh doanh thương mại dịch vụ tại sân bay
3. Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	48,03	48,03	Dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất tại sân bay
4. Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	30,00	30,00	Vận tải ô tô, mua bán, sửa chữa bảo dưỡng ô tô
5. Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	TP. Hồ Chí Minh	29,53	29,53	Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai, nước khoáng đóng chai; kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô
6. Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	TP. Hà Nội	20,00	20,00	Dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất tại sân bay

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng Công ty được lập trên cơ sở số liệu của văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Góp vốn liên doanh (tiếp)

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền ngoại trừ giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được hình thành từ các công trình xây dựng do các nhà thầu xây dựng thực hiện được xác định bao gồm: giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định hoàn thành và đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá theo giá trị dự toán hoặc giá trị quyết toán tạm tính và trích khấu hao. Khi có quyết toán được duyệt sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng và điều chỉnh giá trị khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định mà không thực hiện điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích.

Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu liên quan đến quá trình sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp và vận hành tài sản cố định hữu hình được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị văn phòng	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm.

Tài sản vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là bản quyền, chương trình phần mềm máy tính và chi phí thiết kế logo được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm.

Thuê tài sản

Tổng Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê mặt bằng, cho thuê thiết bị tài sản tại các sân bay. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng, mua sắm phục vụ mục đích hoạt động, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm giá mua, chi phí lắp đặt, xây dựng, thiết bị, phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng và được cấp phép khai thác bởi cơ quan chức năng. Các công trình thuộc KCHTHK sau khi nghiệm thu hoàn thành sẽ được phân tách và ghi nhận là khoản phải thu Nhà nước.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, nhiên liệu đã xuất kho nhưng chưa sử dụng, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty được áp dụng theo quy định của Nhà nước đối với các dịch vụ do Nhà nước quy định giá; đối với các dịch vụ khác được Tổng Công ty xây dựng và ban hành theo quy định của luật giá áp dụng thống nhất tại các cảng hàng không.

Doanh thu dịch vụ hàng không

- Doanh thu dịch vụ cất cánh, hạ cánh tàu bay
- Doanh thu dịch vụ phục vụ hành khách
- Doanh thu dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không
- Doanh thu dịch vụ sân đậu tàu bay
- Doanh thu dịch vụ cho thuê cầu dẫn khách
- Doanh thu dịch vụ cho thuê quầy làm thủ tục hành khách
- Doanh thu dịch vụ phục vụ mặt đất
- Doanh thu dịch vụ nhượng quyền khai thác đối với các dịch vụ hàng không
- Doanh thu dịch vụ hàng không khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Doanh thu dịch vụ phi hàng không

Bao gồm doanh thu cho thuê mặt bằng, doanh thu dịch vụ bến bãi, doanh thu cho thuê thiết bị tài sản, doanh thu cho thuê quảng cáo, doanh thu vận chuyển, lưu trữ, doanh thu dịch vụ kiểm tra, giám sát an ninh và các dịch vụ phi hàng không khác.

Doanh thu hoạt động khác

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu tại Tổng Công ty bao gồm khoản giảm giá dịch vụ đối với nhà vận chuyển, được tính theo tỷ lệ trên tổng giá trị dịch vụ trên hóa đơn thanh toán hàng tháng của các dịch vụ hàng không do Nhà nước quy định mức giá, khung giá tại cảng hàng không, sân bay.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Khoản mục vay được đánh giá lại theo tỷ giá tính chéo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giữa đồng Việt Nam so với đồng Yên Nhật hoặc tỷ giá hạch toán của Bộ Tài chính (theo từng hợp đồng vay). Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp trong năm và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Thuế (tiếp)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức của Tổng Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty với mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện. Báo cáo bộ phận được trình bày tại Báo cáo tổng hợp của Tổng Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	954.710.194	1.191.433.619
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.888.398.608.018	4.470.323.102.557
- Tiền đang chuyển	4.207.122.244	2.081.226.504
- Các khoản tương đương tiền	340.000.000.000	1.820.000.000.000
TỔNG CỘNG	4.233.560.440.456	6.293.595.762.680

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	7.246.814.307.642	10.484.946.972.723
<i>Phải thu các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>	<i>16.291.938.524</i>	<i>77.678.963.823</i>
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>7.230.522.369.118</i>	<i>10.407.268.008.900</i>
- Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	2.621.935.131.990	2.375.632.127.351
- Công ty Cổ phần Hàng không VietJet	886.248.965.776	2.713.269.624.592
- Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	873.609.218.394	888.894.759.833
- Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	302.239.081.679	370.020.249.502
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	256.677.730.829	3.061.651.683.857
- Các khách hàng khác	2.289.812.240.450	997.799.563.765
Dài hạn	2.800.000.200	2.800.000.200
- Công ty Cổ phần Hoàng Long Yến	2.800.000.200	2.800.000.200
TỔNG CỘNG	7.249.614.307.842	10.487.746.972.923

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Long Thành	980.681.759.908	978.156.707.717
- Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn	480.089.700.021	108.583.154.223
- Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP	455.238.199.128	106.975.754.795
- Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	204.873.268.491	459.139.164.935
- Tập đoàn Công nghiệp và Thương mại Xây dựng IC ICTAS	-	1.561.144.353.270
- Các đối tượng khác	2.103.360.657.759	1.620.860.077.792
TỔNG CỘNG	4.224.243.585.307	4.834.859.212.732

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	616.278.911.717	648.282.638.719
- Tài sản khí tượng bán giao cho Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	351.271.655.117	52.411.366.089
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	110.847.143.610	465.345.057.539
- Phải thu về cổ phần hóa	68.398.481.485	68.398.481.485
- Cổ tức và lợi nhuận được chia	34.935.250.000	-
- Tạm ứng	19.215.077.225	12.134.502.170
- Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai khấu trừ	10.395.599.916	24.947.925.206
- Các khoản khác	21.215.704.364	25.045.306.230
Dài hạn	265.521.804.717	265.501.804.717
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất không được giao sử dụng tại Phú Quốc	184.565.128.906	184.565.128.906
- Khoản ứng trước cho Trung tâm phát triển quỹ đất Sóc Sơn tiền giải phóng mặt bằng nhà ga Quốc tế T2 Nội Bài	80.936.675.811	80.936.675.811
- Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-
TỔNG CỘNG	881.800.716.434	913.784.443.436

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

58 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN

Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***9. NỢ XẤU**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	3.751.128.692.377	(3.691.598.165.989)	5.371.326.335.444	(3.663.066.570.184)
- Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	2.600.381.279.140	(2.600.381.279.140)	2.360.923.707.370	(2.360.923.707.370)
- Công ty Cổ phần Hàng không Pacific Airlines	871.661.226.586	(871.661.226.586)	887.868.598.186	(887.868.598.186)
- Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	244.963.362.179	(186.818.393.464)	345.048.558.423	(345.048.558.423)
- Công ty Cổ phần Hàng không Mê Kông	25.907.942.217	(25.907.942.217)	25.907.942.217	(25.907.942.217)
- Tổng Công ty hàng không Việt Nam - CTCP	-	-	1.740.764.646.813	(34.215.164.838)
- Các đối tượng khác	8.214.882.255	(6.829.324.582)	10.812.882.435	(9.102.599.150)
Dài hạn	2.800.000.200	(2.800.000.200)	2.800.000.200	(2.800.000.200)
- Công ty Cổ phần Hoàng Long Yển	2.800.000.200	(2.800.000.200)	2.800.000.200	(2.800.000.200)
TỔNG CỘNG	3.753.928.692.577	(3.694.398.166.189)	5.374.126.335.644	(3.665.866.570.384)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	246.425.429.219	232.615.745.431
- Hàng hóa	97.897.138.993	55.444.331.624
- Công cụ, dụng cụ	932.702.912	860.389.243
TỔNG CỘNG	345.255.271.124	288.920.466.298

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	55.219.482.107	18.609.149.602
- Công cụ dụng cụ	40.383.680.586	7.416.867.477
- Bản quyền, phần mềm	5.197.743.514	2.754.510.427
- Bảo hiểm hàng không, phí hàng không	3.826.017.910	3.547.008.839
- Nhiên liệu	2.641.873.447	2.258.535.558
- Các khoản khác	3.170.166.650	2.632.227.301
Dài hạn	186.388.641.444	74.281.523.344
- Dịch vụ tư vấn quản lý, khai thác Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành	88.783.308.522	-
- Công cụ dụng cụ	53.590.285.312	30.609.145.857
- Đền bù giải phóng mặt bằng dự án mở rộng phía Bắc Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng	14.251.985.746	14.251.985.746
- Đền bù giải phóng mặt bằng dự án mở rộng Cảng hàng không Quốc tế Đà Nẵng	12.258.823.680	12.258.823.680
- Bản quyền, phần mềm	10.344.670.051	10.895.245.353
- Các khoản khác	7.159.568.133	6.266.322.708
TỔNG CỘNG	241.608.123.551	92.890.672.946

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

58 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN

Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TỔNG CỘNG VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2025	30.033.672.818.707	16.231.217.622.891	3.246.814.450.081	130.755.856.826	49.642.460.748.505
- Mua trong năm	-	1.227.631.136.928	46.840.126.880	41.364.281.208	1.315.835.545.016
- Đầu tư XDCB hoàn thành	9.299.588.021.765	5.764.654.044.624	-	669.122.582	15.064.911.188.971
- Nhận tài trợ/biểu tặng	-	1.016.321.509	-	-	1.016.321.509
- Thanh lý/tháo dỡ	(5.072.088.408)	(140.301.127.296)	(15.546.785.877)	(1.244.557.246)	(162.164.558.827)
- Phân loại lại	-	513.496.544	(634.284.762)	-	(120.788.218)
Tại 31/12/2025	39.328.188.752.064	23.084.731.495.200	3.277.473.506.322	171.544.703.370	65.861.938.456.956
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2025	20.229.699.375.066	14.583.269.057.017	2.705.515.567.868	112.327.314.492	37.630.811.314.443
- Khấu hao trong năm	1.623.774.888.495	1.137.855.721.617	186.929.564.117	14.168.089.902	2.962.728.264.131
- Thanh lý/tháo dỡ	(5.072.088.408)	(140.301.127.296)	(15.546.785.877)	(1.244.557.246)	(162.164.558.827)
- Phân loại lại	(5.704.690)	(2.232.478)	(97.314.922)	-	(105.252.090)
Tại 31/12/2025	21.848.396.470.463	15.580.821.418.860	2.876.801.031.186	125.250.847.148	40.431.269.767.657
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	9.803.973.443.641	1.647.948.565.874	541.298.882.213	18.428.542.334	12.011.649.434.062
Tại 31/12/2025	17.479.792.281.601	7.503.910.076.340	400.672.475.136	46.293.856.222	25.430.668.689.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 26.220.991.722.135 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 25.289.513.094.086 đồng).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số “20. Vay và nợ thuê tài chính”, Tổng Công ty đã sử dụng toàn bộ giá trị công trình xây dựng, máy móc, thiết bị và các tài sản khác thuộc Nhà ga hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài để thế chấp cho các khoản vay. Tại ngày 31/12/2025, giá trị còn lại của tài sản thế chấp là 2.048.249.391.166 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 2.193.322.935.082 đồng).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1, Tổng Công ty đã phản ánh đầy đủ doanh thu và chi phí liên quan đến hoạt động khai thác tài sản tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc trong kết quả kinh doanh năm 2025. Đồng thời, Báo cáo tài chính tổng hợp tại ngày 31/12/2025 vẫn đang phản ánh Tài sản cố định do Tổng Công ty đầu tư tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc với giá trị còn lại là 761.836.999.793 đồng.

11-5/ 5 22 2025 1-1 2/100 1.13.28

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	TỔNG CỘNG
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2025	5.999.947.000	31.153.132.176	170.000.000	37.323.079.176
- Tăng trong năm	2.836.600.000	2.642.660.270	-	5.479.260.270
Tại 31/12/2025	8.836.547.000	33.795.792.446	170.000.000	42.802.339.446
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại 01/01/2025	2.674.579.740	22.487.140.362	170.000.000	25.331.720.102
- Hao mòn trong năm	1.138.690.955	4.650.571.098	-	5.789.262.053
Tại 31/12/2025	3.813.270.695	27.137.711.460	170.000.000	31.120.982.155
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2025	3.325.367.260	8.665.991.814	-	11.991.359.074
Tại 31/12/2025	5.023.276.305	6.658.080.986	-	11.681.357.291

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 21.898.076.282 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 21.506.976.282 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

14.1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a. Dự án thuộc Tổng Công ty:	35.170.915.719.284	20.859.686.039.079
Mua sắm tài sản cố định	300.778.441.693	820.214.648.403
Xây dựng cơ bản	34.858.390.534.539	20.033.406.833.260
- Xây dựng Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành (Giai đoạn I)	34.226.776.308.217	12.746.492.112.285
- Xây dựng nhà ga hàng hóa - Cảng hàng không Quốc tế Cát Bi	293.911.255.637	13.299.463.825
- Mở rộng, nâng cấp Cảng Hàng không Cà Mau	75.104.843.185	-
- Xây dựng nhà ga hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Cát Bi	65.952.527.766	23.778.717.585
- Mở rộng, cải tạo sân đỗ máy bay - Cảng Hàng không Quốc tế Vinh	54.663.611.907	4.583.869.940
- Xây dựng nhà ga hành khách T3 - Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất	-	5.830.907.336.252
- Mở rộng sân đỗ máy bay, hệ thống tiếp nhiên liệu khu vực nhà ga hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài	-	569.986.014.899
- Mở rộng nhà ga hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài	-	484.907.945.726
- Công trình khác	141.981.987.827	359.451.372.748
Sửa chữa tài sản cố định	11.746.743.052	6.064.557.416
b. Dự án thuộc KCHTHK:	29.118.641.428	33.241.595.728
Xây dựng cơ bản	1.213.327.272	1.213.327.272
- Cải tạo đường hạ cất cánh Cảng Hàng không Buôn Ma Thuột	1.213.327.272	1.213.327.272
Sửa chữa tài sản cố định	27.905.314.156	32.028.268.456
TỔNG CỘNG	35.200.034.360.712	20.892.927.634.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

1.4 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG (TIẾP)

14.2 Công trình đầu tư xây dựng cơ bản tạm tăng chưa quyết toán

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Xây dựng Nhà ga Hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài	12.020.730.385.315	12.020.730.385.315
- Xây dựng Nhà ga Hành khách T3 - Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất	9.948.224.988.980	-
- Mở rộng Nhà ga Hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài	4.240.416.233.480	-
- Mở rộng Sân đỗ máy bay, Hạ tầng tiếp nhiên liệu khu vực Nhà ga Hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài	926.624.024.933	301.888.648.993
- Sửa chữa đường cất hạ cánh, đường lăn - Cảng Hàng không Vĩnh	469.560.954.832	-
- Xây dựng Nhà ga Hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài	9.019.209.897	1.858.682.723.434
- Đầu tư xây dựng mở rộng Cảng Hàng không Điện Biên	-	973.097.795.707
- Công trình khác	300.014.465.157	215.494.982.374
TỔNG CỘNG	<u>27.914.590.262.594</u>	<u>15.369.894.535.823</u>

TỔNG CÔNG TY CĂNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

58 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN

Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:** là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại trên ba (3) tháng đến mười hai (12) tháng.**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

	31/12/2025				01/01/2025			
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị ghi số VND	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị ghi số VND	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	
								Tỷ lệ sở hữu
a. Đầu tư vào Công ty con		60.000.000.000			60.000.000.000			
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	6.000.000	60.000.000.000	60,00%	6.000.000	60.000.000.000	60,00%	60,00%	
b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		2.139.744.434.914			2.139.744.434.914			
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	65.504.200	1.585.201.640.000	49,07%	65.504.200	1.585.201.640.000	49,07%	49,07%	
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	16.128.051	486.859.102.200	48,03%	16.128.051	486.859.102.200	48,03%	48,03%	
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	6.000.000	30.000.000.000	20,00%	5.000.000	30.000.000.000	20,00%	20,00%	
- Công ty TNHH Dịch vụ Bảo Dưỡng Máy bay Cảng Hàng không Miền Nam		15.300.000.000	51,00%		15.300.000.000	51,00%	51,00%	
- Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam (*)	1.305.000	14.851.258.736	30,00%	1.305.000	14.851.258.736	30,00%	30,00%	
- Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam (*)	493.000	7.532.433.978	29,53%	493.000	7.532.433.978	29,53%	29,53%	
c. Đầu tư vào đơn vị khác		237.101.079.780			235.339.048.804			
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	13.974.100	77.301.079.780	13,69%	13.899.050	75.539.048.804	13,62%	13,62%	
- Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (*)	7.500.000	60.000.000.000	10,00%	7.500.000	60.000.000.000	10,00%	10,00%	
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không Việt Nam	7.500.000	50.000.000.000	19,42%	5.000.000	50.000.000.000	19,42%	19,42%	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	10.710.000	30.000.000.000	10,00%	7.650.000	30.000.000.000	10,00%	10,00%	
- Công ty Cổ phần Đầu tư TCP	1.980.000	19.800.000.000	18,00%	1.980.000	19.800.000.000	18,00%	18,00%	
TỔNG CỘNG		2.436.845.514.694			2.435.083.483.718			
		(65.876.512.554)			(64.617.102.172)			
		2.370.969.002.140			2.370.466.381.546			

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)

GIÁ TRỊ THUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(*) Chi tiết khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh	60.000.000.000	60.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	4.615.051.383	4.617.102.172
- Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	1.261.461.171	-
TỔNG CỘNG	65.876.512.554	64.617.102.172

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

Trong năm, Tổng Công ty ghi nhận Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	610.006.051.286	301.142.006.909
- Trích trước chi phí thuế đất	8.282.445.376	13.480.182.562
- Khấu hao tài sản cố định tạm tăng	21.676.681.785	12.220.241.902
- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	772.795.954	520.503.720
- Chi phí sửa chữa	11.015.433.937	-
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	(3.032.330.467)	(19.330.393.933)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	648.721.077.871	308.032.541.160

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(308.864.044.377)	101.962.275.023
- Trích trước chi phí thuế đất	5.197.737.186	1.295.026.220
- Khấu hao tài sản cố định tạm tăng	(9.456.439.883)	211.186.662
- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(252.292.234)	51.483.029
- Chi phí sửa chữa	(11.015.433.937)	248.383.693
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền và phải thu có gốc ngoại tệ	(16.298.063.466)	19.601.480.940
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(340.688.536.711)	123.369.835.567

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 34)	17.333.340.877	7.909.090.273
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.975.185.338.407	1.676.067.198.463
- Tập đoàn Công nghiệp và Thương mại Xây dựng IC ICTAS	768.847.245.878	-
- Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	300.326.502.408	94.278.953.505
- Công ty Cổ phần Kết cấu thép ATAD	196.509.543.587	4.722.755.560
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng RICON S	165.366.992.107	146.357.536.872
- Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP	140.670.884.139	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Chuyển giao công nghệ ITC	126.015.983.089	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	109.871.494.597	-
- Tổng Công Ty Xây Dựng Số 1 - CTCP	93.645.791.666	230.214.721.362
- Công ty Cổ phần Hệ thống Công nghệ ETC	66.036.644.722	288.560.309.500
- Các người bán khác	1.007.894.256.214	911.932.921.664
TỔNG CỘNG	2.992.518.679.284	1.683.976.288.736

Tổng Công ty có khả năng trả nợ tất cả các khoản phải trả người bán.

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

58 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN

Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	19.647.398.861	203.296.225.453	204.421.180.683	18.522.443.631
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.052.579.437.517	3.276.448.309.672	2.575.000.000.000	2.754.027.747.189
- Thuế thu nhập cá nhân	81.414.551.759	368.294.476.279	401.075.730.804	48.633.297.234
- Thuế tài nguyên	55.676.640	1.033.824.820	1.038.929.460	50.572.000
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.862.616.192	151.453.651.247	148.619.192.492	7.697.074.947
- Thuế bảo vệ môi trường	3.422.186.009	19.075.860.738	20.722.647.055	1.775.399.692
- Thuế nhà thầu	3.486.303.248	30.976.725.236	30.528.259.952	3.934.768.532
- Lệ phí môn bài	-	26.000.000	25.000.000	1.000.000
- Các khoản phải nộp từ chênh lệch thu chi hoạt động khai thác tài sản KCHTHK	1.224.360.366.081	1.385.094.622.527	1.250.000.000.000	1.359.454.988.608
- Các khoản phải nộp khác	-	8.952.258.621	8.948.262.688	3.995.933
TỔNG CỘNG	3.389.828.536.307	5.444.651.954.593	4.640.379.203.134	4.194.101.287.766

	01/01/2025	Số phải thu trong năm	Số thực thu/được khấu trừ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng	446.958.286	774.759.563	102.284.246	1.119.433.603
- Thuế thu nhập cá nhân	199.236.175	914.044.829	112	1.113.280.892
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.620.732.976	14.951.242.349	2.269.180.858	16.302.794.467
- Lệ phí môn bài	4.040.600	-	-	4.040.600
TỔNG CỘNG	4.270.968.037	16.640.046.741	2.371.465.216	18.539.549.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Giá trị tạm tăng của các công trình XDCB	2.243.563.904.859	133.495.467.231
- Tiền thuê đất, thuê đất	57.208.708.663	67.400.912.811
- Chi phí điều hành, thương quyền	22.212.407.354	-
- Tiền điện	19.967.835.575	13.281.706.152
- Lãi vay	16.830.301.074	17.114.000.000
- Hoa hồng thu hộ	16.405.464.658	9.704.583.302
- Dịch vụ vận hành hệ thống tra nạp nhiên liệu ngầm	12.748.318.797	9.693.920.351
- Các khoản khác	13.305.257.681	26.912.180.863
TỔNG CỘNG	2.402.242.198.661	277.602.770.710

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	400.897.432.354	186.031.098.976
- Chênh lệch còn lại từ hoạt động bảo đảm ANHK	252.335.313.320	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	98.876.149.669	83.495.062.465
- Hoa hồng thu hộ	19.812.980.315	75.159.349.224
- Phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không	10.893.530.000	17.570.214.000
- Kinh phí công đoàn	2.639.651.638	3.137.245.429
- Các khoản khác	16.339.807.412	6.669.227.858
Dài hạn	371.294.180.604	260.595.388.007
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	371.294.180.604	260.595.388.007
TỔNG CỘNG	772.191.612.958	446.626.486.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Phân loại vay dài hạn đến hạn trả	Trả gốc vay	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả	395.932.592.937	395.932.592.938	(420.843.433.716)	40.553.106.601	411.574.858.760	
- Hiệp định vay vốn VNIX-2 Dự án xây dựng nhà ga hành khách Quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất bằng nguồn vốn ODA (1)	113.261.757.991	113.261.757.992	(121.595.741.346)	13.173.542.109	118.101.316.746	
- Hiệp định vay vốn VNXVII-6 Dự án xây dựng nhà ga T2 Cảng HKQT Nội Bài bằng nguồn vốn ODA (2)	63.654.578.946	63.654.578.946	(66.898.124.370)	5.676.204.492	66.087.238.014	
- Hiệp định vay vốn số VN11-P6 Dự án xây dựng nhà ga T2 Cảng HKQT Nội Bài bằng nguồn vốn ODA (3)	105.282.944.000	105.282.944.000	(110.647.680.000)	9.388.288.000	109.306.496.000	
- Hiệp định vay vốn số VN13-P3 Dự án Xây dựng Nhà Ga T2 Cảng HKQT Nội Bài bằng nguồn vốn ODA (4)	113.733.312.000	113.733.312.000	(121.701.888.000)	12.315.072.000	118.079.808.000	

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

58 Trương Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN

Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Phân loại vay dài hạn đến hạn trả	Trả gốc vay	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Giá trị
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	9.346.256.069.500	(395.932.592.938)	-	349.716.837.631	9.300.040.314.193	
- Hiệp định vay vốn VNIX-2 Dự án xây dựng nhà ga hành khách Quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất bằng nguồn vốn ODA (1)	1.812.188.127.828	(113.261.757.992)	-	72.593.381.323	1.771.519.751.159	
- Hiệp định vay vốn VNXVII-6 Dự án xây dựng nhà ga T2 Cảng HKQT Nội Bài bằng nguồn vốn ODA (2)	1.559.537.189.672	(63.654.578.946)	-	57.167.488.308	1.553.050.099.034	
- Hiệp định vay vốn số VN11-P6 Dự án xây dựng nhà ga T2 Cảng HKQT Nội Bài bằng nguồn vốn ODA (3)	2.789.998.016.000	(105.282.944.000)	-	102.600.576.000	2.787.315.648.000	
- Hiệp định vay vốn số VN13-P3 Dự án Xây dựng Nhà Ga T2 Cảng HKQT Nội Bài bằng nguồn vốn ODA (4)	3.184.532.736.000	(113.733.312.000)	-	117.355.392.000	3.188.154.816.000	
TỔNG CỘNG	9.742.188.662.437	-	(420.843.433.716)	390.269.944.232	9.711.615.172.953	

(1) Khoản vay tín dụng phục vụ cho Dự án xây dựng nhà ga hành khách Quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất bằng nguồn vốn ODA theo Hiệp định vay vốn số VNIX-2 ngày 29 tháng 03 năm 2002 giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC), nay là Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA). Khoản vay này được thực hiện thông qua Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II) theo Hợp đồng tín dụng vay vốn ODA số 038/TDNN-TDTW1 ngày 15 tháng 08 năm 2002 và Hợp đồng ủy quyền cho vay lại vốn JBIC số 06/2002/UQ/BTC-TCĐN ngày 17 tháng 07 năm 2001 giữa Quỹ hỗ trợ phát triển và Bộ Tài chính (đại diện là Vụ Tài chính đối ngoại).

- Tổng số vốn vay theo hợp đồng là 22.768.000.000 Yên Nhật với thời hạn cho vay và trả nợ trong 40 năm và thời gian ân hạn là 10 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực;
- Khoản vay không có tài sản thế chấp;
- Lãi suất cho khoản vay: 1,6%/năm tính trên số dư nợ vay;
- Số dư nợ vay đến 31 tháng 12 năm 2025 là 11.696.818.742,84 Yên Nhật (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 12.427.869.914,28 Yên Nhật), trong đó, số dư nợ vay đến hạn trả là 731.051.171,44 Yên Nhật (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 731.051.171,44 Yên Nhật).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (2) Khoản vay tín dụng phục vụ cho Dự án xây dựng Nhà ga Quốc tế Nội Bài T2 bằng nguồn vốn ODA theo Hiệp định vay vốn số VNXXVII-6 ngày 18 tháng 03 năm 2010 giữa Chính phủ Nhật Bản và Chính phủ Việt Nam.
- Tổng số vốn vay theo hợp đồng là 12.607.000.000 Yên Nhật với thời hạn cho vay và trả nợ trong 40 năm và thời gian ân hạn là 10 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực. Thời gian giải ngân trong vòng 7 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực;
 - Tài sản thế chấp: tài sản thuộc Nhà ga hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài;
 - Lãi suất cho vay và phí cho vay lại là 0,4%/năm áp dụng cho chi phí xây dựng và 0,21%/năm cho chi phí tư vấn;
 - Số dư nợ vay đến 31 tháng 12 năm 2025 là 9.933.357.896 Yên Nhật (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 10.338.801.074 Yên Nhật); trong đó, số dư nợ vay đến hạn trả là 405.443.178 Yên Nhật (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 405.443.178 Yên Nhật).
- (3) Khoản vay tín dụng phục vụ cho Dự án xây dựng Nhà ga Quốc tế Nội Bài T2 bằng nguồn vốn ODA theo Hiệp định vay vốn số VN11-P6 ngày 30 tháng 03 năm 2012 giữa Chính phủ Nhật Bản và Chính phủ Việt Nam.
- Tổng số vốn vay theo hợp đồng là 20.584.000.000 Yên Nhật với thời hạn cho vay và trả nợ trong 40 năm và thời gian ân hạn là 10 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực. Thời gian giải ngân trong vòng 5 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực;
 - Tài sản thế chấp: tài sản thuộc Nhà ga hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài;
 - Lãi suất cho vay và phí cho vay lại là 0,4%/năm áp dụng cho chi phí xây dựng và 0,21%/năm cho chi phí tư vấn.
 - Số dư nợ vay đến 31 tháng 12 năm 2025 là 17.770.688.000 Yên Nhật (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 18.441.280.000 Yên Nhật); trong đó, số dư nợ vay đến hạn trả là 670.592.000 Yên Nhật (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 670.592.000 Yên Nhật).
- (4) Khoản vay tín dụng cho Dự án xây dựng nhà ga Quốc tế Nội Bài T2 bằng nguồn vốn ODA theo Hiệp định vay vốn số VN13-P3 ngày 24 tháng 12 năm 2013 giữa Chính phủ Nhật Bản và Chính phủ Việt Nam.
- Tổng số vốn vay theo hợp đồng là 26.062.000.000 Yên Nhật với thời hạn cho vay và trả nợ trong 40 năm và thời gian ân hạn là 10 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực. Thời gian giải ngân trong vòng 7 năm kể từ ngày Hiệp định vay vốn có hiệu lực;
 - Tài sản thế chấp: tài sản thuộc Nhà ga hành khách T2 - Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài;
 - Lãi suất cho vay và phí cho vay lại là 0,3%/năm áp dụng cho chi phí xây dựng và 0,21%/năm cho chi phí tư vấn.
 - Số dư nợ vay đến 31 tháng 12 năm 2025 là 20.283.648.000 Yên Nhật (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 21.008.064.000 Yên Nhật); trong đó, số dư nợ vay đến hạn trả là 724.416.000 Yên Nhật (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 724.416.000 Yên Nhật).

TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTRP

58 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN

Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Số dư nợ vay đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 59.684.512.638,84 Yên Nhật, tương đương 9.711.615.172.953 đồng (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 62.216.014.988,28 Yên Nhật, tương đương 9.742.188.662.437 đồng).

Các khoản vay dài hạn theo nguyên tệ Yên Nhật và tương đương đồng Việt Nam được hoàn trả theo lịch biểu tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và 01 tháng 01 năm 2025 như sau:

	31/12/2025		01/01/2025	
	JPY	VND	JPY	VND
- Trong vòng một năm	2.531.502.349,44	411.574.858.760	2.531.502.349,44	395.932.592.937
- Trong năm thứ hai	2.531.502.349,44	411.574.858.760	2.531.502.349,44	395.932.592.937
- Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	7.594.507.048,32	1.234.724.576.280	7.594.507.048,32	1.187.797.778.811
- Trên năm năm	47.027.000.891,64	7.653.740.879.153	49.558.503.241,08	7.762.525.697.752
Cộng	59.684.512.638,84	9.711.615.172.953	62.216.014.988,28	9.742.188.662.437
- Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	2.531.502.349,44	411.574.858.760	2.531.502.349,44	395.932.592.937
Số phải trả sau 12 tháng	57.153.010.289,40	9.300.040.314.193	59.684.512.638,84	9.346.256.069.500

TỔNG CÔNG TY CĂNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCPC

58 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B09 - DN

Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Biến động vốn chủ sở hữu:**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	VND	
01/01/2024	21.771.732.360.000	14.602.790.587	(2.918.680.000)	6.034.593.641.645	21.984.757.109.956	49.802.767.222.188	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.253.061.710.515	10.253.061.710.515	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(789.822.600.000)	(789.822.600.000)	
Trích quỹ thưởng Ban Điều hành	-	-	-	-	(3.141.331.200)	(3.141.331.200)	
31/12/2024	21.771.732.360.000	14.602.790.587	(2.918.680.000)	6.034.593.641.645	31.444.854.889.271	59.262.865.001.503	
01/01/2025	21.771.732.360.000	14.602.790.587	(2.918.680.000)	6.034.593.641.645	31.444.854.889.271	59.262.865.001.503	
Tăng vốn trong năm (*)	14.056.742.870.000	-	-	-	(14.056.742.870.000)	-	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.630.299.972.038	10.630.299.972.038	
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(3.939.170.000)	-	-	(3.939.170.000)	
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	10.208.272.137.013	(10.208.272.137.013)	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (***)	-	-	-	-	(939.709.425.000)	(939.709.425.000)	
Trích quỹ thưởng Ban Điều hành (***)	-	-	-	-	(3.327.156.000)	(3.327.156.000)	
31/12/2025	35.828.475.230.000	14.602.790.587	(6.857.850.000)	16.242.865.778.658	16.867.103.273.296	68.946.189.222.541	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

a. Biến động vốn chủ sở hữu: (Tiếp)

- (*) Tăng vốn bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỉ lệ 100:64,58 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại tại ngày 31/12/2023 theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2025 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty.

Theo Báo cáo Kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 402/BC-HĐQT ngày 15/08/2025, Tổng Công ty đã phát hành 1.405.674.287 cổ phiếu cho 11.992 cổ đông (tương ứng với 14.056.742.870.000 đồng) theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền ngày 12/08/2025 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

- (**) Trích quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại tại 31/12/2023 theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/05/2025 và từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại tại 31/12/2024 theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2025 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty.

- (***) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban Điều hành năm 2024 theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2025 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty với tổng số tiền 943.036.581.000 đồng.

b. Vốn điều lệ:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bộ Tài chính	34.182.328.070.000	95,41%	20.769.430.110.000	95,40%
Cổ đông khác	1.640.912.160.000	4,58%	1.000.074.250.000	4,59%
Cổ phiếu quỹ	5.235.000.000	0,01%	2.228.000.000	0,01%
	35.828.475.230.000	100%	21.771.732.360.000	100%

c. Cổ phiếu:

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.582.847.523	2.177.173.236
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.582.847.523	2.177.173.236
- Cổ phiếu phổ thông	3.582.847.523	2.177.173.236
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	523.500	222.800
- Cổ phiếu phổ thông	523.500	222.800
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.582.324.023	2.176.950.436
- Cổ phiếu phổ thông	3.582.324.023	2.176.950.436
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.976.727.458.685	22.703.437.620.392
<i>Doanh thu dịch vụ hàng không</i>	<i>21.674.790.705.875</i>	<i>18.624.795.665.038</i>
- Doanh thu dịch vụ cất, hạ cánh	3.263.381.973.476	2.810.800.197.907
- Doanh thu phục vụ mặt đất cơ bản/ trọn gói	712.873.843.883	529.619.717.326
- Doanh thu phục vụ hành khách	12.500.304.942.816	10.869.320.062.857
- Doanh thu dịch vụ bảo đảm an ninh hành khách, hành lý	1.782.720.700.895	1.577.408.173.244
- Doanh thu dịch vụ hàng không khác	3.415.509.244.805	2.837.647.513.704
<i>Doanh thu phi hàng không</i>	<i>3.247.917.907.161</i>	<i>2.830.311.657.024</i>
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.655.777.915.170	1.409.182.101.807
- Doanh thu cho thuê quảng cáo	276.954.039.177	310.812.055.227
- Doanh thu dịch vụ sử dụng hạ tầng nội cảng	507.815.908.289	430.497.782.609
- Doanh thu dịch vụ cung cấp tiện ích (điện, nước, gas, vệ sinh, y tế)	197.659.790.958	171.499.146.043
- Doanh thu phục vụ khách VIP, F, C,...	189.717.003.741	125.611.065.444
- Doanh thu dịch vụ phi hàng không khác	419.993.249.826	382.709.505.894
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>1.054.018.845.649</i>	<i>1.248.330.298.330</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	75.434.964.476	104.074.076.959
- Chiết khấu thương mại	75.434.964.476	104.074.076.959
Doanh thu thuần	25.901.292.494.209	22.599.363.543.433
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.847.273.648.560	21.351.033.245.103
- Doanh thu bán hàng	1.054.018.845.649	1.248.330.298.330
<i>Trong đó, Doanh thu từ các bên liên quan:</i>	<i>812.217.138.579</i>	<i>806.455.252.276</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 34)</i>		

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9.854.648.085.527	8.166.298.153.154
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	474.726.604.045	603.345.534.010
TỔNG CỘNG	10.329.374.689.572	8.769.643.687.164

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi	559.783.664.039	1.084.976.298.789
- Lãi chênh lệch tỷ giá trong năm	141.371.826.330	63.023.383.433
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	-	394.110.693.316
- Cổ tức lợi nhuận được chia	534.837.478.642	380.328.719.905
TỔNG CỘNG	1.235.992.969.011	1.922.439.095.443

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	60.462.429.448	60.523.614.159
- Lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm	90.583.387.909	44.158.158.957
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	306.014.909.489	-
- Trích lập dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	1.259.410.382	787.008.817
TỔNG CỘNG	458.320.137.228	105.468.781.933

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân viên bán hàng	83.307.833.797	85.934.375.148
- Chi phí vật liệu, bao bì bán hàng	139.527.668	177.496.740
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	4.159.223.976	5.044.069.308
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	65.170.179	83.354.934
- Chi phí điều hành, thương quyền	280.366.949.590	248.627.574.063
- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	1.252.693.591	1.804.671.312
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.263.218.372	9.566.781.328
- Chi phí khác	27.386.224.045	18.253.974.065
TỔNG CỘNG	402.940.841.218	369.492.296.898

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nhân viên quản lý	826.488.041.664	780.816.872.512
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	12.680.249.710	11.832.624.097
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.485.839.818	30.874.989.615
- Thuế, phí, lệ phí	18.368.905.060	19.523.872.780
- Chi phí sửa chữa tài sản	51.035.324.824	8.228.795.179
- Chi phí điện, nước, thông tin liên lạc	25.033.287.280	24.256.086.259
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	86.689.521.401	31.886.459.434
- Chi phí phúc lợi cho người lao động	46.561.009.349	37.192.364.300
- Công tác phí	33.581.450.112	33.809.850.670
- Chi ủng hộ, tài trợ	2.130.000.000	2.090.000.000
- Chi phí bằng tiền khác	147.852.468.395	109.722.475.422
- Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	28.531.595.805	(57.480.182.327)
TỔNG CỘNG	1.316.437.693.418	1.032.754.207.941

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi phạt chậm thanh toán	527.133.231.361	-
- Thu nhập do nhượng bán, thanh lý tài sản	29.878.358.736	4.763.526.674
- Tài sản được tặng, bàn giao, tài trợ	21.283.690.111	12.237.759.254
- Thu do đối tác vi phạm hợp đồng kinh tế	7.740.466.898	12.897.111.198
- Nhận thưởng tiết kiệm nhiên liệu	2.195.555.873	-
- Bảo hiểm bồi thường	1.056.069.180	-
- Doanh thu các niên độ trước	-	12.278.247.250
- Các khoản khác	526.538.223	956.077.326
TỔNG CỘNG	589.813.910.382	43.132.721.702

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Các khoản phạt phải nộp	8.918.503.913	3.364.376.044
- Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản	5.072.730.546	913.018.293
- Chi thưởng tiết kiệm nhiên liệu	2.195.555.879	-
- Chi mời thầu	267.088.155	357.503.829
- Chi phí thuê đất, thuế đất các niên độ trước	-	7.277.606.937
- Các khoản khác	82.452.827	63.340.445
TỔNG CỘNG	16.536.331.320	11.975.845.548

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nhân viên	4.175.515.615.279	3.950.693.339.092
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	152.073.198.897	124.046.360.070
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.965.272.980.788	2.281.550.559.409
- Thuế, phí, lệ phí	134.283.534.049	141.851.735.855
- Chi phí sửa chữa tài sản	1.426.527.439.946	851.616.887.552
- Chi phí điều hành, thương quyền	280.366.949.590	248.627.574.063
- Chi phí bảo hiểm hàng không, phí hàng không	35.113.069.646	31.110.730.572
- Chi phí điện, nước, thông tin liên lạc	647.600.774.798	527.272.540.530
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	656.960.705.324	526.347.059.282
- Chi hoa hồng, môi giới	203.968.489.183	177.364.509.744
- Chi phí phúc lợi cho người lao động	309.207.846.446	244.348.201.725
- Phí nhượng quyền khai thác	186.400.197.500	218.790.610.500
- Chi ủng hộ, tài trợ	2.130.000.000	2.090.000.000
- Chi phí bằng tiền khác	370.074.222.912	300.314.731.926
- Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	28.531.595.805	(57.480.182.327)
TỔNG CỘNG	11.574.026.620.163	9.568.544.657.993

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.203.489.680.846	14.275.600.541.094
Các khoản điều chỉnh tăng	3.366.896.644.695	1.641.790.209.131
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.050.030.256.428	1.505.710.034.546
- Trích trước chi phí thuê đất	41.412.226.880	67.400.912.811
- Khấu hao tài sản cố định tạm tăng	108.383.408.925	61.101.209.509
- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	3.863.979.769	2.602.518.598
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu có gốc ngoại tệ năm nay	370.504.184	960.466.558
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu có gốc ngoại tệ năm trước	97.612.436.224	-
- Chi phí sửa chữa tạm tăng	55.077.169.685	-
- Chi phí loại trừ khi tính thuế	10.146.662.600	4.015.067.109
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.653.307.298.540)	(2.254.624.319.857)
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.505.710.034.546)	(2.015.521.409.658)
- Trích trước chi phí thuê đất	(67.400.912.811)	(73.876.043.909)
- Khấu hao tài sản cố định tạm tăng	(61.101.209.509)	(62.157.142.821)
- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	(2.602.518.598)	(2.859.933.746)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu có gốc ngoại tệ năm trước	(960.466.558)	(1.355.435.036)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại tiền và các khoản phải thu có gốc ngoại tệ năm nay	(15.532.156.518)	(97.612.436.224)
- Chi phí sửa chữa	-	(1.241.918.463)
Thu nhập không chịu thuế	(534.837.478.642)	(380.328.719.905)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	16.382.241.548.359	13.282.437.710.463
Thu nhập tính thuế	16.382.241.548.359	13.282.437.710.463
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	3.276.448.309.672	2.656.487.542.093
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.276.448.309.672	2.656.487.542.093

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – Lãi cơ bản trên cổ phiếu thì trường hợp Tổng Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng (Báo cáo tài chính tổng hợp) và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Tổng Công ty không trình bày chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng (Báo cáo tài chính tổng hợp) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

34. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác. Danh sách bên liên quan của Tổng Công ty như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	Công ty con
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	Công ty liên kết
3	Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	Công ty liên kết
4	Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	Công ty liên kết
5	Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	Công ty liên kết
6	Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	Công ty liên kết
7	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo dưỡng Máy bay Cảng Hàng không Miền Nam	Công ty liên doanh

b. Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	5.348.877.811	4.679.554.242
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	4.154.847.519	15.470.500.646
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	2.652.553.175	214.361.071
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	2.451.890.949	7.440.729.726
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	1.683.681.070	49.673.540.407
- Công ty TNHH Dịch vụ Bảo dưỡng Máy bay Cảng Hàng không Miền Nam	88.000	200.277.731
TỔNG CỘNG	16.291.938.524	77.678.963.823

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả nhà cung cấp là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	12.307.373.555	5.091.784.600
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	3.528.013.778	2.629.015.264
- Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	1.065.177.482	169.474.495
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	411.183.917	4.687.552
- Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	21.592.145	14.128.362
TỔNG CỘNG	17.333.340.877	7.909.090.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

34. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

c. Giao dịch với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu với các bên liên quan	812.217.138.579	806.455.252.276
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	553.184.024.842	513.238.889.968
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	152.072.596.760	172.896.881.831
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	77.896.794.290	96.983.613.434
- Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	16.556.527.264	11.451.756.002
- Công ty TNHH Dịch vụ Bảo dưỡng Máy bay Cảng Hàng không Miền Nam	8.804.210.222	8.465.893.344
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	3.694.695.386	3.394.428.809
- Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	8.289.815	23.788.888
Mua hàng với các bên liên quan	174.962.616.598	147.322.951.725
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	114.714.433.868	104.511.854.404
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	41.879.029.012	31.319.697.355
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	12.449.910.240	7.790.070.165
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	3.287.413.728	2.376.298.681
- Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam	2.036.610.012	745.593.839
- Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam	595.219.738	579.437.281
Doanh thu tài chính với các bên liên quan	265.898.707.708	188.587.192.700
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất	184.001.297.800	106.509.829.200
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	40.320.127.500	40.320.127.500
- Công ty TNHH Dịch vụ Bảo dưỡng Máy bay Cảng Hàng không Miền Nam	20.157.750.000	15.577.236.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	13.200.000.000	10.800.000.000
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	8.219.532.408	15.380.000.000
Thu nhập khác với bên liên quan	2.253.981.477	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	2.253.981.477	-
Chi phí khác với bên liên quan	2.195.555.879	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài	2.195.555.879	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

34. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

d. Tiền lương, thưởng của các thành viên quản lý chủ chốt:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng		16.670.095.694	16.343.162.569
Ông Lê Văn Khiên	Quyền Chủ tịch HĐQT (từ ngày 17/03/2026) Thành viên HĐQT (đến hết ngày 16/03/2026)	1.581.858.625	1.561.901.201
Ông Vũ Thế Phiệt	Chủ tịch HĐQT (đến hết ngày 16/03/2026)	1.833.614.670	1.756.563.181
Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng	Thành viên HĐQT	1.579.164.477	1.578.141.792
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Thành viên HĐQT	1.560.320.135	1.310.544.122
Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên HĐQT (đến hết ngày 30/06/2025)	799.221.930	1.601.710.482
Ông Đào Việt Dũng	Thành viên HĐQT	1.632.634.462	1.622.774.516
Ông Nguyễn Tiến Việt	Phó Tổng Giám đốc	1.550.744.385	1.529.575.878
Ông Nguyễn Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc	1.586.154.309	1.554.716.969
Ông Trần Anh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	1.549.679.409	1.514.949.610
Ông Nguyễn Cao Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.463.166.451	1.055.813.575
Ông Nguyễn Văn Nhung	Kế toán trưởng	1.533.536.841	1.256.471.243
Ban Kiểm soát		3.305.041.611	3.349.829.395
Bà Huỳnh Thị Diệu	Trưởng ban	1.544.882.615	1.522.670.524
Ông Nguyễn Hữu Phúc	Thành viên	975.248.312	934.396.616
Ông Lương Quốc Bình	Thành viên	784.910.684	892.762.255
TỔNG CỘNG		19.975.137.305	19.692.991.964

35. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	137.998.893,36	170.998.585,67
- Rúp Nga (RUB)	4.408,54	5.728,54
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.645.440.325	2.645.440.325
Hàng hóa nhận ký gửi (VND)	1.742.240.472	1.711.631.731
Giá trị còn lại Tài sản nhận giữ hộ (VND)	2.344.974.714.217	3.382.519.648.259
- Tài sản KCHTHK thuộc sở hữu của Nhà nước mà Tổng Công ty đang khai thác (*)	2.269.841.856.217	3.307.386.790.259
- Tài sản khác thuộc sở hữu của Nhà nước mà Tổng Công ty đang khai thác	75.132.858.000	75.132.858.000

(*) Đã giảm trừ giá trị còn lại tài sản KCHTHK tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc theo Biên bản bàn giao ngày 09/07/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

36. THÔNG TIN LIÊN QUAN HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG NHÀ NƯỚC GIAO CHO TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ

Nội dung	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
I. Nguồn thu từ khai thác tài sản KCHTHK	3.193.501.435.515	2.748.067.748.888
1. Doanh thu dịch vụ cất, hạ cánh	3.267.293.311.064	2.814.851.848.707
- Các khoản giảm trừ doanh thu	75.434.780.138	66.784.099.819
- Doanh thu thuần	3.191.858.530.926	2.748.067.748.888
2. Lãi tiền gửi	1.343.516.390	-
3. Thu nhập khác	299.388.199	-
II. Các khoản chi cho hoạt động khai thác tài sản KCHTHK	1.808.406.812.988	1.505.386.295.969
1. Chi hoạt động	1.462.133.157.356	1.194.715.932.740
- Chi phí nhân viên	343.262.301.421	539.264.244.123
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	7.436.905.935	7.924.735.397
- Chi phí khấu hao tài sản cố định phân bổ	74.431.749.170	69.356.513.104
- Thuế, phí, lệ phí	1.583.262.325	1.273.581.402
- Chi phí sửa chữa tài sản	822.625.367.697	380.877.226.025
- Chi phí điện, nước, thông tin liên lạc	21.172.052.557	19.638.148.585
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	102.879.127.433	82.032.572.560
- Chi phí phúc lợi người lao động	26.613.651.963	31.098.361.672
- Chi phí bằng tiền khác	56.596.339.792	59.572.545.328
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.532.399.063	3.678.004.544
2. Chi phí thuế TNDN hiện hành	346.155.663.157	310.342.985.841
3. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	117.992.475	327.377.388
III. Chênh lệch còn lại (I - II)	1.385.094.622.527	1.242.681.452.919
1. Nộp về Ngân sách trung ương	1.364.670.319.314	-
2. Nộp về Ngân sách tỉnh An Giang (*)	20.424.303.213	-

(*) Chênh lệch còn lại đối với hoạt động khai thác tài sản KCHTHK tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc từ ngày 09/07/2025, được trình bày chi tiết tại trang tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***36. THÔNG TIN LIÊN QUAN HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG KHÔNG NHÀ NƯỚC GIAO CHO TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ (TIẾP)**

Báo cáo Doanh thu – Chi phí hoạt động khai thác tài sản KCHTHK tại Cảng Hàng không Quốc tế Phú Quốc trong giai đoạn từ ngày 09/07/2025 đến ngày 31/12/2025:

Nội dung	Từ ngày 09/07/2025 đến ngày 31/12/2025 VND
I. Nguồn thu từ khai thác tài sản KCHTHK	60.736.543.022
1. Doanh thu dịch vụ cất, hạ cánh	61.817.524.851
- Các khoản giảm trừ doanh thu	1.133.509.050
- Doanh thu thuần	60.684.015.801
2. Lãi tiền gửi	52.527.221
II. Các khoản chi cho hoạt động khai thác tài sản KCHTHK	40.312.239.809
1. Chi hoạt động	35.206.164.006
- Chi phí nhân viên	1.887.543.699
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	90.542.012
- Chi phí khấu hao tài sản cố định phân bổ	557.200.589
- Thuế, phí, lệ phí	20.256.835
- Chi phí sửa chữa tài sản	27.568.401.256
- Chi phí điện, nước, thông tin liên lạc	924.015.346
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.425.964.256
- Chi phí phúc lợi người lao động	103.110.805
- Chi phí bằng tiền khác	277.904.396
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	351.224.812
2. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.106.075.803
III. Chênh lệch còn lại (I - II)	20.424.303.213

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

37. THÔNG TIN LIÊN QUAN HOẠT ĐỘNG BẢO ĐẢM AN NINH HÀNG KHÔNG

Nội dung	Từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/12/2025 VND
I. Nguồn thu từ hoạt động bảo đảm an ninh hàng không	1.907.469.224.242
1. Doanh thu dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không	1.907.469.224.242
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-
- Doanh thu thuần	1.907.469.224.242
II. Các khoản chi cho hoạt động bảo đảm an ninh hàng không	1.655.133.910.922
1. Chi hoạt động	1.592.050.082.592
- Chi phí nhân viên	1.196.037.344.575
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ, đồ dùng văn phòng	13.298.027.966
- Chi phí khấu hao tài sản cố định phân bổ	175.625.908.326
- Chi phí sửa chữa tài sản	25.863.647.843
- Chi thuê xe, tài sản (động sản)	22.042.499.620
- Chi đào tạo, huấn luyện	8.270.595.050
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	3.661.389.136
- Chi trang phục ngành	14.227.639.930
- Chăm sóc sức khỏe người lao động (Bồi dưỡng độc hại và khám sức khỏe)	15.963.246.026
- Hoa hồng, môi giới	21.465.830.687
- Chi phí phúc lợi người lao động	88.694.790.558
- Chi phí bằng tiền khác	6.899.162.875
2. Chi phí thuế TNDN hiện hành	63.083.828.330
III. Lợi nhuận sau thuế (I - II)	252.335.313.320

Theo quy định tại Luật số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 (“Luật số 68”) và Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 hướng dẫn Luật số 68, Tổng Công ty được trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi với mức không quá 03 tháng lương thực hiện trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại doanh nghiệp, từ lợi nhuận sau thuế để chi khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và các đối tượng theo quy định pháp luật. Lợi nhuận sau thuế nêu trên chưa bao gồm việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ khoản lợi nhuận sau thuế này phụ thuộc vào quyết định của cấp có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)***38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****Các khoản cam kết**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm	123.380.749.123	129.578.715.016
Cộng	123.380.749.123	129.578.715.016

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Từ 1 năm trở xuống	27.964.073.538	21.599.090.853
Trên 1 năm đến 5 năm	111.531.966.027	77.760.793.811
Trên 5 năm	568.655.109.655	322.690.360.039
Cộng	708.151.149.220	422.050.244.703

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất tại Văn phòng Tổng Công ty và các Chi nhánh. Đối với Văn phòng Tổng Công ty và các Chi nhánh chưa ký hợp đồng thuê đất chính thức với cơ quan địa phương, giá thuê đất được tính theo thông báo do các Ủy ban Nhân dân tỉnh quy định.

Giá trị hợp đồng dự án xây dựng cơ bản còn đang thực hiện

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Giá trị hợp đồng dự án xây dựng cơ bản chủ yếu còn đang thực hiện	85.701.263.431.394	83.915.121.328.243
Cộng	85.701.263.431.394	83.915.121.328.243
<i>Trong đó:</i>		
<i>Giá trị khối lượng hoàn thành</i>	<i>34.858.390.534.539</i>	<i>20.033.406.833.260</i>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Công ty đã công bố thông tin bất thường theo Văn bản số 604/TCTCHKVN VPTCT ngày 05/3/2026 trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty về việc nhận được thông báo của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an về việc bắt bị can để tạm giam đối với hai thành viên Hội đồng quản trị về hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng và nhận tiền để tạo điều kiện cho nhà thầu trúng thầu.

Ban Điều hành Tổng Công ty đánh giá rằng sự kiện này không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình hoạt động cũng như số liệu đã trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp)

38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2026



Ngô Thị Hồng Hoa
Người lập biểu



Nguyễn Văn Nhung
Kế toán trưởng



Lê Văn Khiên
Người đại diện theo pháp luật